

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DS-ST
Ngày: 04/7/2023
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Loan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hòa
2. Ông Phan Minh Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Nguyễn Thanh An - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 348/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1960; Địa chỉ: 73 Tô Hoài, Tổ 04, phường Phù Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Bà **Lê Thị D**, sinh năm 1970; Địa chỉ: 43 Phù Đồng, Tổ 04, phường Phù Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và bà Lê Thị D là chỗ quen biết với nhau. Ngày 20/12/2020 bà có cho bà D vay 20.000.000 đồng. Khi vay bà D có viết giấy mượn tiền và đưa cho bà giữ. Chữ ký và chữ viết trong giấy mượn tiền là của bà D. Trong giấy mượn tiền không thể hiện thời hạn trả nợ cũng như thỏa thuận về lãi suất nhưng các bên thỏa thuận miệng là đến tháng 02 năm 2021 bà D trả tiền cho bà. Đến khoảng

tháng 5 năm 2021 bà D đã trả cho bà 2.000.000 đồng tiền gốc. Từ đó đến nay bà D không trả nợ cho bà H mặc dù bà H đã đòi nợ nhiều lần. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị D phải trả số tiền gốc là 18.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 20/12/2020 đến 20/10/2022 là 3.286.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 21.286.000 đồng (*Hai mươi một triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng*). Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà H chỉ yêu cầu tính lãi từ khi khởi kiện từ tháng 7 năm 2022 đến tháng 7 năm 2023 với lãi suất 10%/năm là 1.804.932 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị D mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đã không trình bày được quan điểm của mình về nội dung của vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị D; địa chỉ: 43 Phù Đồng, Tổ 04, phường Phù Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 thì đây là vụ án dân sự. “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Lê Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ khi khởi kiện tháng 7 năm 2022 đến tháng 7 năm 2023 với lãi suất 10%/năm là 1.804.932 đồng, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi của nguyên đơn.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 18.000.000 đồng nợ gốc và trả lãi theo

lãi suất 10%/năm từ khi khởi kiện tháng 7 năm 2022 đến tháng 7 năm 2023, đồng thời cung cấp chứng cứ là Giấy mượn tiền ngày 20/12/2020 có chữ viết và chữ ký của bên mượn tiền bà Lê Thị D. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, không xác định lãi suất. Phía nguyên đơn trình bày bà D có thỏa thuận miêng đến tháng 02 năm 2021 kể từ ngày viết giấy mượn tiền sẽ trả nợ cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Xét hợp đồng vay tiền giữa bà H và bà D là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có lãi và được giao kết hợp pháp. Bà D đã được Tòa án cấp tổng đạt, thông báo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo nhưng không có ý kiến phản đối nên có căn cứ xác định chứng cứ này là đúng sự thật. Theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 “bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản”, vì bà D không trả gốc và lãi cho bà H nên bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả gốc và tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà D phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 18.000.000 đồng và tiền lãi 1.804.932 đồng, tổng cộng 19.804.932 đồng.

[5] Về án phí: Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, cụ thể như sau:

1. Buộc bà Lê Thị D phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 19.804.932 đồng (*Mười chín triệu, tám trăm lẻ bốn nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng đồng*), trong đó nợ gốc 18.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 04/7/2023 là 1.804.932 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Bà Lê Thị D phải chịu 990.247 đ (*Chín trăm chín mươi nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H 532.500 đồng (*Năm trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002709 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (04/7/2023), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Loan Phương

